

**CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN**



GT SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN
Saigon Traffic Construction Join Stock Company

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	4
I. TỔNG QUAN.....	4
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp	4
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	4
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	5
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	9
6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết.....	11
7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	11
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	19
1. Thực trạng về tài sản cố định	19
2. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng.....	20
3. Thực trạng về tài chính, công nợ.....	21
4. Thực trạng về lao động.....	22
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	23
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	23
1. Cơ sở pháp lý	23
2. Mục tiêu cổ phần hóa	24
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	25
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	25
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	28
1. Hình thức cổ phần hóa	28
2. Tên Công ty cổ phần	28
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	28
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	29
5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	37
6. Loại cổ phần và phương thức phát hành	42
6.1. Loại cổ phần.....	42
6.2. Phương thức phát hành.....	42
7. Kế hoạch đăng ký giao dịch tập trung trên thị trường chứng khoán.....	43
8. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa	43

8.1. Chi phí cổ phần hóa	43
8.2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	45
III. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ.....	46
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG	47
I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG	47
II. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ	48
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	51
I. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty	51
Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	54
II. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa.....	54
1. Cơ hội và thách thức	54
2. Định hướng phát triển của Công ty.....	55
III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa	56
IV. Các biện pháp thực hiện.....	57
1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh	57
2. Về hoạt động đầu tư	58
3. Về phương án sử dụng đất:	58
4. Về nâng cao năng lực quản lý	58
V. Các rủi ro dự kiến	59
1. Rủi ro về kinh tế.....	59
2. Rủi ro pháp lý.....	59
3. Rủi ro khác	59
PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	60

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BTNN	Bê tông nhựa nóng
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn
DT	Doanh thu
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
MTV	Một thành viên
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON TRANSPORT PROJECTS COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **STP Co.,Ltd**
- Địa chỉ: **Số 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **08.38558649**
- Fax: **08.38558649**
- Mã số thuế: **0300460907**
- Website: **www.giaothongsaigon.com.vn**
- Email: **ctgtsg@gmail.com**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 01 năm 2014.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 01 năm 2014, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn như sau:

- Hoạt động công ích: Duy tu, sửa chữa công trình giao thông. Duy tu, sửa chữa công trình đường thủy. Duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; cây xanh; chiếu sáng, cầu, cống thoát nước, xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, bến bãi, cấp thoát nước, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, điện, chiếu sáng, bu-đi-ên, cây xanh và công trình thủy. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: vận tải hàng hoá bằng ô tô.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ rửa xe 2 và 4 bánh.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: tư vấn xây dựng công trình giao thông nhóm B và C, tư vấn công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: sản xuất các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Sản xuất pano phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
- Thoát nước và xử lý nước thải: thi công các công trình nạo vét, xử lý môi trường nước, nước thải.
- Phá dỡ: phá dỡ các công trình thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng: san lấp, chuẩn bị mặt bằng.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Được thành lập từ ngay sau ngày đất nước thống nhất với nhiệm vụ duy tu sửa chữa các tuyến đường trong Thành phố, góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh và phát triển, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn đã không ngừng tăng trưởng và đổi mới.

Hiện nay công ty trực thuộc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.Hồ Chí Minh (theo quyết định 4608/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước) và hoạt động trong các lĩnh vực chính sau:

- Hoạt động công ích: Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường bộ, hệ thống tín hiệu giao thông và sơn đường.
- Thực hiện công trình kinh doanh: thi công xây dựng các công trình giao thông; cấp nước; thoát nước; điện lực; bưu điện, thủy lợi.
- Kinh doanh VLXD: Sản xuất và kinh doanh BTNN và nhũ tương nhựa...

4. Quá trình hình thành và phát triển

▪ Năm 1975, Ủy Ban Nhân Dân Thành phố đã ra quyết định thành lập 3 khu: Khu cầu đường Sài Gòn, Khu cầu đường Chợ Lớn và Khu cầu đường Gia Định. Khu cầu đường Chợ Lớn là tên gọi đầu tiên của Công ty với nhiệm vụ là xây dựng mới; sửa chữa lớn; duy tu cầu đường, hệ thống thoát nước và chiếu sáng công cộng trong phạm vi các quận huyện nội ngoại thành. Năm 1978 Khu cầu đường Chợ Lớn được đổi tên thành

Công ty cầu đường nội thành phụ trách địa bàn các quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Tân Bình, Phú Nhuận, Bình Chánh và huyện Duyên Hải, đồng thời quản lý bến phà Thủ Thiêm.

- Năm 1981, UBND Thành phố ra Quyết định số 271/QĐ-UB đổi tên Công ty cầu đường nội thành là Xí nghiệp công trình giao thông số 1, chuyển giao công tác thoát nước đô thị cho Sở Quản lý nhà đất và công trình đô thị. Năm 1982 Xí nghiệp công trình giao thông số 1 tiếp nhận và quản lý bến phà Cát Lái. Năm 1985 UBND Thành phố giao cho Xí nghiệp công trình giao thông số 1 quản lý thêm bến phà Bình Khánh và Dàn Xây.

- Năm 1992 theo đề nghị của Sở Giao thông công chánh, UBND Thành phố ra Quyết định số 2081/QĐ-UB thành lập Khu Quản lý công trình giao thông công chánh trên cơ sở hợp nhất Xí nghiệp cầu phà và Xí nghiệp Công trình giao thông số 1. Khu Quản lý công trình giao thông công chánh là đơn vị sự nghiệp phụ trách công tác duy tu sửa chữa thường xuyên cầu, đường, vỉa hè, hệ thống sơn đường, cọc tiêu, biển báo trên địa bàn thành phố và quản lý 4 bến phà: Thủ Thiêm, Cát Lái, Bình Khánh và Dàn Xây. Tháng 11 năm 1997, Khu Quản lý công trình giao thông công chánh được chuyển thành Công ty Quản lý công trình giao thông Sài Gòn.

- Tháng 12/1999, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thành lập Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố, đồng thời tách chức năng quản lý cầu và 4 bến phà ra khỏi nhiệm vụ quản lý của Công ty Quản lý công trình giao thông Sài Gòn kể từ ngày 01/06/2000.

- Căn cứ vào Quyết định v/v phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn số 1146/QĐ-UBND ngày 12/03/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn đã chính thức chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới kể từ ngày 26/08/2010.

- Hiện nay Công ty trực thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển giao Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn về làm thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

Một số công trình tiêu biểu Công ty đã thực hiện như sau:

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (tỷ đồng)	NĂM THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ
1	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Trường Chinh, Quận Tân Bình	25,88	2004	Khu QLGTĐT số 1
2	Xây dựng đường vành đai phía đông (Đoạn nút giao Tỉnh lộ 25B đến cầu	84,82	2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (tỷ đồng)	NĂM THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ
	Rạch Chiếc)			
3	Xây dựng đường An Phú Tây – Bình Chánh	62,03	2012	Khu QLGTĐT số 4
4	Cải tạo mặt đường bờ Bắc và bờ Nam kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè	73,64	2011	Khu QLGTĐT số 1
5	Xây dựng đường nội bộ - bãi chứa hàng, Cảng sông Phú Định, Quận 8	32,04	2011	Công ty TNHH MTV Cảng Sông Phú Định
6	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước Dự án đường Tỉnh lộ 10B, Huyện Bình Chánh, Quận Bình Tân	50,67	2012	Khu QLGTĐT số 1
7	KCN Rạch Bắp, Huyện Bến Cát, Bình Dương	9,70	2007	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng
8	Mở rộng, nâng cấp đường Lê Văn Quới, Quận Bình Tân	29,85	2008	Khu QLGTĐT số 1
9	Xây dựng mạng đường ống cấp nước Khu vực Quận 6	28,36	2003	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
10	Cung cấp vật tư, phụ tùng, thi công xây dựng Tuyến ống cấp 2 tiếp nhận dự án cấp nước Kênh Đông	49,71	2010	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
11	Xây lắp các hạng mục hạ tầng giai đoạn 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng CSHT khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long, Huyện Châu Thành Tỉnh Bến Tre	32,94	2012	Công ty phát triển hạ tầng Bến Tre
12	Xây dựng cải tạo đường Tầm Vu – Thanh Đa thuộc Dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa – đoạn 1,3 từ hạ lưu cầu Kinh đến cầu Bình Triệu.	38,66	2012	Khu Quản lý Đường thủy nội địa

Về hoạt động sản xuất và dịch vụ: Công ty đã đa dạng hoá các sản phẩm phục vụ cho ngành xây dựng như: sản xuất bê tông nhựa nóng, dây chuyền sản xuất nhũ tương nhựa, đầu tư xe máy thiết bị hiện đại ứng dụng các công nghệ mới trong thi công đặc biệt áp dụng công nghệ tái chế mặt đường tại chỗ bằng bitum bột và xi măng...

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn phấn đấu nâng cao năng lực quản lý và kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng cho sự phát triển của Công ty trước những thay đổi của thị trường.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, chủ trương chính sách nhà nước và hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản chi phúc lợi,

chăm lo đời sống và thực hiện đúng chính sách chế độ đối với người lao động, đào tạo được đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

🚧 Các thành tích đạt được:

- Năm 1981:

+ Công ty được tặng Huân chương lao động hạng III “đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH & bảo vệ Tổ quốc” theo Lệnh khen thưởng 89/LCT ngày 27/5/1981 của Chủ tịch nước.

- Năm 1982:

+ Công ty được tặng bằng khen Bộ GTVT “đã có thành tích hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước trước thời gian theo Quyết định số 2082/QĐ-BGTVT ngày 18/02/1982.

- Năm 1983:

+ Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về thành tích “trong sản xuất & công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH & bảo vệ Tổ quốc” theo Quyết định số 211/CT-KT ngày 13/6/1983.

- Năm 1984:

+ Công ty được tặng Huân chương lao động hạng II “đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1984 & các nhiệm vụ khác góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH & bảo vệ Tổ quốc” theo QN số 645/HĐNN.7 ngày 26/4/1985.

- Năm 1987:

+ Bằng khen của Hội đồng bộ trưởng tặng về “CBCNV có thành tích trong sản xuất & công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH & bảo vệ Tổ quốc” theo Quyết định số 202/CT-KT ngày 04/9/1987.

+ Công ty được tặng bằng khen Bộ GTVT “CBCNV hoàn thành kế hoạch 6 tháng đầu năm 1987” theo Quyết định số 1136/QĐ-TĐ ngày 08/7/1988.

- Năm 2007:

+ Công ty được tặng bằng chứng nhận của Bộ xây dựng cho “đơn vị đã có thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của CNVC ngành xây dựng năm 2007” theo Quyết định số 453/QĐ-BXD ngày 31/03/2008.

- Năm 2009:

+ Được bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì có thành tích xuất sắc từ năm 2007 đến năm 2009 theo Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 02/11/2010.

- Năm 2010:

+ Được Ủy Ban nhân dân thành phố tặng cờ thi đua vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2010 theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND, 15/3/2011.

+ Được Ủy Ban nhân dân thành phố tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2010 theo QĐ số 1233/QĐ-UBND ngày 15/03/2011.

- Năm 2011:

+ Được Bằng khen của Ủy Ban nhân dân thành phố vì “đã có thành tích xuất sắc trong công tác chăm lo, phục vụ Tết Tân Mão năm 2011” theo QĐ số 581/QĐ-UBND ngày 10/02/2011.

+ Được Ủy Ban nhân dân thành phố danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2011 theo QĐ số 1003/QĐ-UBND ngày 28/02/2012.

- Năm 2012:

+ Huân chương lao động hạng ba của Thủ tướng Chính phủ theo QĐ số 1320/QĐ-CTN ngày 29/08/2012

+ Cờ thi đua xuất sắc năm 2012 của Bộ GTVT theo QĐ số 71/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2013.

+ Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liền (2011, 2012) theo QĐ số 1604/QĐUB ngày 02/04/2013.

+ Cờ thi đua xuất sắc năm 2012 của UBNDTPHCM theo QĐ số 1601/QĐUBND ngày 02/04/2013.

+ Bằng khen phục vụ Tết Nhâm Thìn 2012 của UBNDTPHCM số 493/QĐUB ngày 01/02/2012.

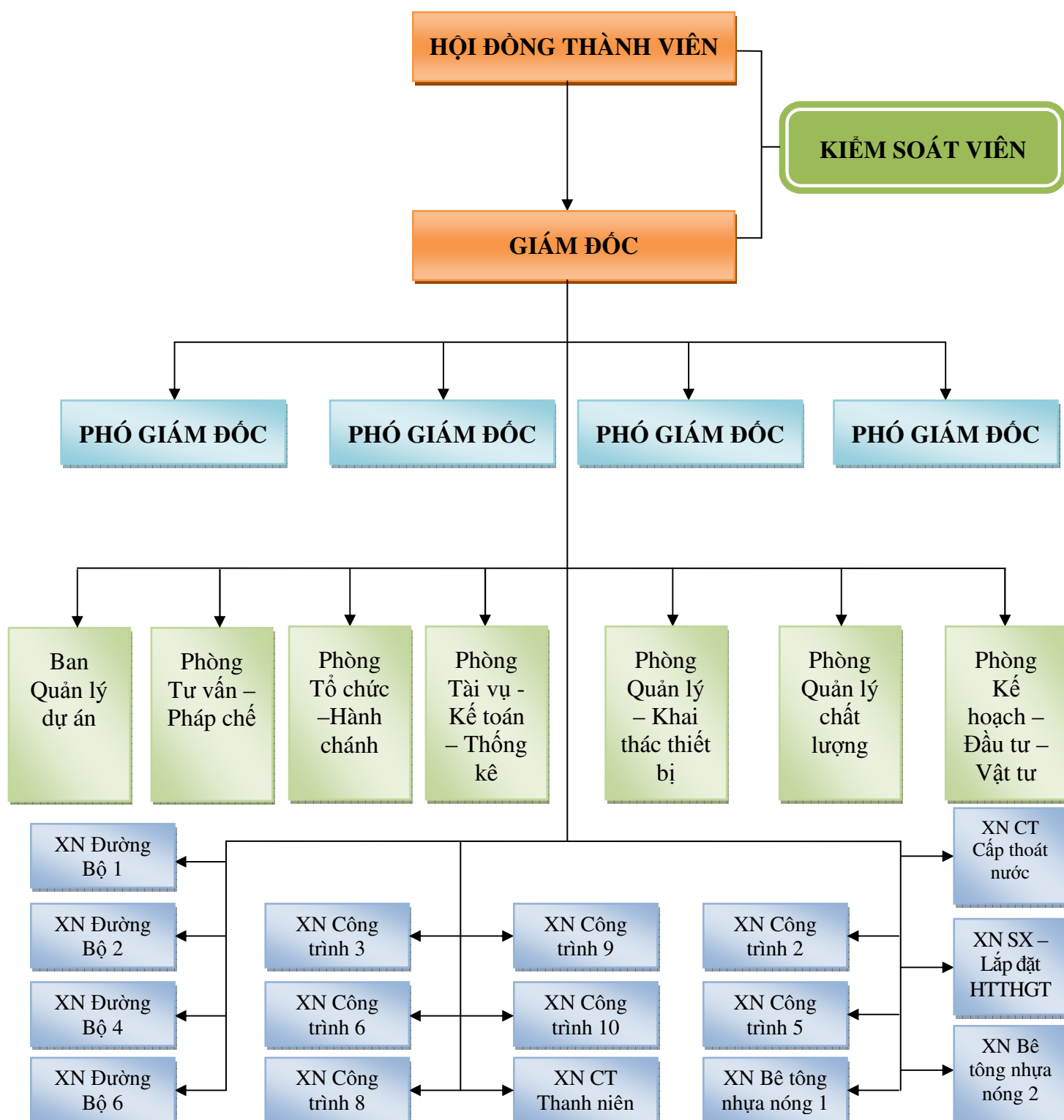
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- 06 Phòng ban chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Tài vụ – Kế toán – Thống kê; Phòng Quản lý – Khai thác thiết bị; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật Tư; Phòng Tư vấn Pháp chế; Ban Quản lý dự án.
- 16 Xí nghiệp trực thuộc Công ty: Xí nghiệp Đường bộ 1, Xí nghiệp Đường Bộ 2, Xí nghiệp Đường Bộ 4, Xí nghiệp Đường Bộ 6, Xí nghiệp Công trình 2 Xí nghiệp Công trình 3, Xí nghiệp Công trình 5, Xí nghiệp Công trình 6, Xí nghiệp Công Trình 8, Xí

nghiệp Công trình 9, Xí nghiệp Công trình 10, Xí nghiệp Công trình Thanh Niên, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng, Xí nghiệp Công trình Cấp thoát nước, Xí nghiệp Sản xuất – lắp đặt Hệ thống tín hiệu giao thông, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng 2.

▪ Với cơ cấu như trên, bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết

6.1. Công ty mẹ

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	67-73 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	100%

6.2. Công ty con

Không có.

6.3. Công ty liên kết, liên doanh

Không có.

7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

7.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

7.1.1. Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động xây lắp công trình	494.544	43,11%	474.435	42,62%	541.469	47,49%
Hoạt động duy tu sửa chữa đường bộ	412.223	35,93%	386.361	34,71%	339.531	29,78%
Hoạt động kinh doanh bê tông nhựa nóng	240.530	20,96%	252.335	22,67%	259.051	22,73%
Tổng cộng	1.147.297	100%	1.113.131	100%	1.140.051	100%

Nguồn: STP Co

Cơ cấu lợi nhuận theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động xây lắp	67.606	56,97%	28.565	31,43%	30.281	39,74%
Hoạt động duy tu sửa chữa đường bộ	37.438	31,55%	38.982	42,90%	33.722	44,26%
Hoạt động kinh doanh bê tông nhựa nóng	-1.850	-1,56%	12.348	13,59%	10.355	13,59%
Hoạt động dịch vụ khác	15.483	13,05%	10.972	12,08%	1.832	2,41%
Tổng cộng	118.677		90.867		76.190	

Nguồn: STP Co

7.1.2. Nguyên vật liệu

▪ Nguồn nguyên vật liệu:

Đối với hoạt động thi công công trình, nguồn nguyên vật liệu chính chủ yếu là đá, cát, nhựa đường, sắt thép, bột sơn các loại... được cung cấp ổn định bởi các nhà cung cấp truyền thống, ổn định và có uy tín.

▪ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, thị trường các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty khá phong phú. Công ty có điều kiện lựa chọn đơn vị cung cấp nguyên vật liệu trên cơ sở chào giá cạnh tranh do đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

▪ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do đặc thù trong lĩnh vực xây dựng, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty. Do đó, khi giá cả nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, khi giá cả nguyên liệu tăng cao so với giá trúng thầu sẽ gây nhiều khó khăn cho hoạt động thi công xây dựng của Công ty.

Để hạn chế những tác động tiêu cực của sự biến động giá cả nguyên vật liệu, Công ty đã từng bước áp dụng những biện pháp sau:

– Áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh.

– Tận dụng cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong việc sản xuất kinh doanh.

– Đầu tư các xe máy, thiết bị có tính năng, công suất phù hợp trong công việc sản xuất kinh doanh.

7.1.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa như sau:

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn bán hàng	1.011.477	96,82%	973.892	94,02%	1.035.075	96,07%
- Hoạt động xây lắp công trình	426.939	40,87%	446.153	43,07%	511.188	47,45%
- Hoạt động duy tu sửa chữa đường bộ	342.158	32,75%	287.752	27,78%	275.190	25,54%
- Hoạt động kinh doanh bê tông nhựa nóng	242.380	23,20%	239.987	23,17%	248.697	23,08%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.626	3,12%	59.627	5,76%	30.619	2,85%
Chi phí khác	646	0,06%	2.205	0,22%	11.656	1,08%
Tổng cộng	1.044.751		1.035.724		1.077.350	

Nguồn: STP Co

7.1.4. Trình độ công nghệ

Công ty có hệ thống xe máy, thiết bị khá đồng bộ và hiện đại, bao gồm các loại xe lu các loại, xe ô tô các loại, xe đào, xe ban, xe rải BTN, xe cào bóc mặt đường, xe quét đường. Đặc biệt hệ thống xe máy, thiết bị áp dụng công nghệ cào bóc – tái chế mà công ty đang sở hữu hiện đang là công nghệ tiên tiến của thế giới và công ty là một trong 02 nhà thầu tại Việt Nam có sở hữu dây chuyền công nghệ này.

Ngoài ra, với 2 trạm sản xuất BTNN và 1 dây chuyền sản xuất nhũ tương nhựa đã giúp công ty chủ động trong cung ứng cho nhu cầu nội bộ và bán ra thị trường.

Năm 2011, nhằm mục đích nâng cao chất lượng, tiến độ và hiệu quả trong thi công công trình, Công ty đã mạnh dạn đầu tư xe cào bóc Wirtgen W2000 (CHLB Đức), một trong những thiết bị cào bóc mặt đường hàng đầu thế giới, nâng số lượng xe cào bóc của Công ty lên 3 xe. Công ty được xem là đơn vị tiên phong trong công tác cải tạo, sửa chữa mặt đường hiện nay sử dụng công nghệ cào bóc. Cùng với đội ngũ nhân công có kinh nghiệm và năng lực, Công ty luôn đáp ứng tốt công tác sửa chữa, duy tu các công trình tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận đạt hiệu quả cao.

Năm 2012, Công ty đã tiên phong đầu tư dây chuyền thi công áp dụng **công nghệ tái chế mặt đường tại chỗ bằng bitium bọt và xi măng** của hãng Wirtgen (CHLB Đức).

Đây là công nghệ hiện đại được nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng như: Anh, Pháp, Đức, Hy Lạp, Mỹ, Nhật, Thái Lan...

7.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với lợi thế là một trong hai nhà thầu tại Việt Nam sở hữu dây chuyền công nghệ cào bóc – tái chế mặt đường tại chỗ bằng bitium bột và xi măng là công nghệ hiện đại trên thế giới. Việc sở hữu và vận hành dây chuyền công nghệ này là một rào cản lớn đối với hầu hết các nhà thầu. Do vậy Công ty hoàn toàn có đủ khả năng áp dụng chiến lược khác biệt hóa trong việc thực hiện các công trình áp dụng công nghệ này.

Với công nghệ này, lớp móng và mặt đường sau khi cào bóc, nghiền nát sẽ được gia cố tại chỗ với một lượng rất nhỏ xi măng, bitium, nước. Qua đó tạo lên một lớp móng đồng nhất và có chất lượng hoàn hảo. Ngoài lợi ích bảo vệ tài nguyên môi trường và giảm chi phí qua việc tái chế vật liệu cũ, công nghệ tiên tiến này còn rút ngắn thời gian thi công, hạn chế ùn tắc giao thông do quá trình thi công gây ra. Do vậy, công nghệ tái chế mặt đường tại chỗ bằng bitium bột và xi măng rất phù hợp với việc sửa chữa các tuyến đường giao thông, đặc biệt là các quốc lộ có mật độ giao thông dày đặc với nhiều phương tiện lưu thông có trọng tải lớn. Bên cạnh đó với tính năng gia cố nền đường, công nghệ này còn phù hợp với việc thi công các công trình có nền móng yếu, đường cao tốc, các công trình đòi hỏi chất lượng cao. Hiện nay trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, công nghệ này đã được ứng dụng trong việc sửa chữa một số đoạn đường trên Quốc lộ 1A, Quốc lộ 22 và đạt được kết quả rất khả quan.

Tuy nhiên hiện nay số lượng công trình tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng công nghệ cào bóc – tái chế còn rất khiêm tốn, trong khi đó công nghệ này còn khá mới mẻ đối với thị trường các tỉnh lân cận. Do vậy Công ty sẽ đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu công nghệ cào bóc – tái chế đến các tỉnh khu vực Miền Nam, đồng thời xây dựng kế hoạch sẵn sàng thâm nhập thị trường các tỉnh Miền Trung.

7.1.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

▪ Vị thế của Công ty trong ngành

Lĩnh vực thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

Công ty có uy tín cao trong phạm vi thành phố Hồ Chí Minh trên lĩnh vực thực hiện sản phẩm công ích giao thông đường bộ. Công tác thực hiện cung ứng, sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ được công ty thực hiện từ ngay sau khi đất nước thống nhất, do vậy công ty có nhiều kinh nghiệm, uy tín trên thị trường trong lĩnh vực này.

Chủ trương đầu thầu cung ứng, sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực bảo dưỡng và quản lý trên các tuyến đường Quốc lộ của Bộ GTVT là cơ hội để công ty mở rộng thị trường trong lĩnh vực này. Hiện nay Công ty đã bước đầu mở rộng cung ứng công tác bảo dưỡng và quản lý đường bộ trên QL1A tỉnh Đồng Nai, QL22 tỉnh Tây Ninh, Q51 tỉnh Đồng Nai, QL56 tỉnh Đồng Nai.

Đối thủ cạnh tranh: ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh với nhiều quy mô tham gia thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường bộ:

- Thị trường Tp.Hồ Chí Minh, đối thủ cạnh tranh chủ yếu của công ty là các công ty công ích quận, huyện; Công ty TNHH MTV Công Trình Cầu Phà Tp; CII; Công ty cổ phần kỹ thuật Đông Phương.

- Thị trường các tỉnh thành khác: đối thủ là các công ty công ích tại địa phương.

Lĩnh vực thực hiện công trình kinh doanh

Khách hàng: hiện nay bên cạnh khách hàng mục tiêu mà Công ty không ngừng xây dựng mối quan hệ hợp tác là các Khu QLGTĐT, Trung tâm chống ngập Tp.Hồ Chí Minh, Công ty đã và đang từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở rộng tham gia các dự án do Ban quản lý dự án Đại học Quốc Gia Tp.Hồ Chí Minh; Ban QLDA các Quận, Huyện; Ban QLDA ở Bến Tre, Tiền Giang và các đối tác khác làm chủ đầu tư.

Bên cạnh các lĩnh vực mà Công ty đã và đang tham gia như: thi công công trình đường bộ, hệ thống thoát nước, điện lực, bưu điện, bờ kè, trong năm 2014 công ty đã thâm nhập được một số thị trường mới, lĩnh vực mới (tường cọc nhựa UPVC). Đây là tiền đề để công ty khai thác và mở rộng thị trường trong tương lai.

Đối thủ cạnh tranh: đây là lĩnh vực có sự tham gia của rất nhiều các đối thủ trong và ngoài nước với nhiều quy mô khác nhau, do vậy sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đồng thời, với sự hội nhập của Việt Nam ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế quốc tế thì sự cạnh tranh trong lĩnh vực thi công công trình hạ tầng giao thông ngày càng khốc liệt.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh VLXD

Với khối lượng cung ứng nhu cầu nội bộ cung cấp cho lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng đường bộ và thi công xây dựng mới, đã giúp công ty có một thị trường cung cấp sản phẩm BTN và nhũ tương nhựa ổn định. Thị trường hiện nay của Công ty chủ yếu là cung cấp cho nhu cầu nội bộ của công ty và một đối tác truyền thống là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố và một số công trình nhỏ. Trong khi đó, công ty chưa cung cấp nhiều cho các đối tác bên ngoài, đặc biệt là các dự án lớn.

Đối thủ cạnh tranh: đây cũng là lĩnh vực có sự tham gia của nhiều nhà cung cấp trên thị trường. Trong khi đó, tại các dự án lớn, hiện nay là các nhà thầu có xu hướng tự sản xuất, cung ứng vật tư chính cho dự án. Do vậy công ty công ty đã và đang gặp khó khăn trong việc mở rộng thị trường cung cấp VLXD.

▪ *Triển vọng phát triển của ngành*

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Do đó việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông luôn là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các nước và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Đầu tư cơ sở hạ tầng là hoạt động đòi hỏi nguồn vốn lớn nên cần thêm nhiều nguồn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện. Với chính sách ngày càng thông thoáng, Chính phủ hỗ trợ và khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lĩnh vực này. Hơn nữa, với tư cách là thành viên chính thức của WTO, Việt Nam có nhiều cơ hội hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài để phát triển cơ sở hạ tầng trong nước. Trong những năm tới, để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, Việt Nam sẽ phải phát triển nhiều hơn nữa hệ thống đường giao thông đặc biệt là đường cao tốc, hệ thống tàu điện ngầm, hệ thống cảng biển, cảng hàng không,...mở ra cơ hội phát triển rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng.

▪ *Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty*

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động.

Thêm vào đó, Công ty cũng đưa ra mục tiêu cho mình là giữ vững các hợp đồng đang thực hiện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng thi công mới và cơ hội hợp tác đầu tư các dự án về giao thông.

Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các công ty hoạt động trong ngành nói chung và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn nói riêng.

7.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã đăng ký logo như sau:



7.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Số liệu chi tiết (theo sổ sách kế toán) được tóm tắt ở bảng dưới đây:

DVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	643.647	742.582	798.723
2	Vốn Chủ sở hữu	225.738	262.861	177.455
2.1	Vốn chủ sở hữu	225.647	262.952	176.834
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	91	(91)	621
3	Nợ phải trả	417.909	479.721	621.269
3.1	Nợ ngắn hạn	417.909	478.085	619.909
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-
3.2	Nợ dài hạn	-	1.635	1.359
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-
4	Nợ phải thu	248.637	297.684	479.490
5	Tổng số lao động (người)	664	738	680
6	Tổng quỹ lương	158.655	107.378	90.163
7	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	23,32	12,12	11,05
8	Doanh thu thuần	1.147.298	1.113.414	1.140.052
9	Tổng chi phí	1.044.751	1.033.519	1.065.694

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
10	Lợi nhuận trước thuế	118.676	90.867	76.190
11	Lợi nhuận sau thuế	96.321	68.042	58.252
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu (ROE)	42,67%	26,22%	32,83%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012-2014 của SGC Co

7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Thuận lợi

- Tình hình kinh tế Việt Nam mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng đang đi vào ổn định, tình hình lạm phát được chính phủ kiểm soát khá tốt.
- Theo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong khi đó, hạ tầng kỹ thuật luôn là một lĩnh vực quan trọng đảm bảo và thúc đẩy nền kinh tế phát triển, do vậy xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng luôn là nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế.
- Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế năng động của cả nước, là đầu tàu kéo nền kinh tế của khu vực Miền Nam, do vậy Tp.Hồ Chí Minh luôn thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, trong đó đầu tư vào lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật chiếm tỷ trọng cao.
- Trong tương lai gần, công tác cung ứng sản phẩm công ích sẽ được các chủ đầu tư tổ chức đấu thầu. Do vậy đây là cơ hội để công ty thâm nhập vào lĩnh vực duy tu, sửa chữa và khoán quản lý hệ thống cầu, cây xanh, chiếu sáng.
- Hành lang pháp lý ngày càng hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng. Trong đó, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 với nhiều nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đấu thầu và một số quy định ưu đãi cho nhà thầu trong nước khi tham gia đấu thầu với nhà thầu nước ngoài.
- Tình trạng ngập lụt ở Tp.Hồ Chí Minh và khu vực Miền nam do triều cường, do nước biển dâng ngày càng nghiêm trọng. Tuy nhiên đây là cơ hội để công ty đầu tư và thâm nhập vào lĩnh vực cung ứng cừ bản bê tông cốt thép phục vụ các công trình thủy lợi, ống cống phục vụ công trình thoát nước.
- Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao so với các đơn vị cùng ngành. Lợi nhuận trước thuế trong 3 năm qua luôn đạt trên 50% vốn ĐL.
- Công ty có đội ngũ nhân lực có trình độ cao, có kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề trong lĩnh vực bảo dưỡng thường xuyên và thi công đường bộ.
- Tập thể cán bộ CNV và người lao động tại công ty luôn đoàn kết, gắn bó với công ty.
- Công ty có hệ thống xe máy, thiết bị khá đồng bộ và hiện đại. Đặc biệt hệ thống xe máy, thiết bị áp dụng công nghệ cào bóc – tái chế mà công ty đang sở hữu

hiện đang là công nghệ tiên tiến của thế giới và công ty là một trong 02 nhà thầu tại Việt Nam có sở hữu dây chuyền công nghệ này.

- Khả năng đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng trong thực hiện sản phẩm công ích và năng lực thi công các công trình có giá trị lớn trong lĩnh vực đường bộ, thoát nước ngày càng được công ty nâng cao.
- Công ty có uy tín cao trong phạm vi thành phố Hồ Chí Minh trên lĩnh vực thực hiện sản phẩm công ích giao thông đường bộ.
- Tài chính lành mạnh, không vay mượn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

➤ **Khó khăn:**

- Các cơ chế, chính sách của nhà nước, các quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực công ích nói riêng và xây dựng nói chung thường xuyên thay đổi.
- Cự ly vận chuyển vật liệu quy định theo Quyết định 1460/QĐ-UB ngày 27/03/2014 của UBND Thành phố được tính bằng “khoảng cách từ cơ sở cung cấp vật liệu gần nhất đến trung tâm hành chính của quận, huyện” là một thách thức lớn mà công ty phải đối mặt, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giá vật tư, nguyên vật liệu thường xuyên thay đổi do phụ thuộc vào nhiều yếu tố trên thị trường. Trong khi đó, việc cập nhật giá vật tư, nguyên vật liệu trong Thông báo giá của Sở Xây dựng Tp.HCM còn chưa kịp thời, chưa phù hợp với thị trường. Do vậy ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty
- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 về hướng dẫn luật Đấu thầu 43/2013/QH 13 quy định chỉ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được phép tham gia đấu thầu các gói thầu có giá trị từ 5 tỷ đồng trở xuống. Với quy mô hiện nay, công ty mất đi cơ hội tham gia các công trình dưới 5 tỷ. Đây là một thách thức rất lớn mà công ty phải đối mặt, bởi vì doanh thu từ các công trình này chiếm trung bình 10% doanh thu cả năm và ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người lao động.
- Hiện nay Chính phủ đang thực hiện chính sách hạn chế đầu tư công, do vậy lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn. Trong khi đó ngày càng nhiều đối thủ tham gia thi trường, do vậy sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Bên cạnh đó, kế hoạch đấu thầu qua mạng dự kiến được triển khai từ năm 2015 là một thách thức đối với công ty khi sẽ phải cạnh tranh với nhiều đối thủ trong và ngoài nước.
- Định mức trong công tác quản lý đường bộ đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng mới theo hướng điều chỉnh giảm định mức lao động (giảm khoảng 45%), tuy nhiên định mức sử dụng xe máy – thiết bị không thay đổi. Do vậy sự điều chỉnh này là chưa triệt để, chưa phù hợp với thực tế hiện nay.
- Từ năm 2015, công tác cung ứng sản phẩm công ích sẽ được các chủ đầu tư tổ chức đấu thầu. Do vậy đây cũng là một thách thức lớn đối với công ty trong

việc giữ vững thị trường bảo dưỡng thường xuyên và khoán quản lý hệ thống đường bộ.

- Công ty còn thiếu kinh nghiệm, năng lực trong lĩnh vực thi công công trình cầu, cây xanh, chiếu sáng; Nguồn nhân lực có chuyên môn và hệ thống thiết bị phục vụ lĩnh vực cầu, cây xanh, chiếu sáng còn thiếu.
- Công ty có nhu cầu lớn về một số vật tư, nguyên vật liệu nhưng hiện nay công ty vẫn chưa chủ động trong nguồn cung phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh: đá các loại, thép tráng kẽm, thép nhúng kẽm, cống thoát nước đúc sẵn, bê tông tươi. Đồng thời công ty chưa có kinh nghiệm trong quản lý sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mới này.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I. Tài sản cần dùng	197.846.902.338	89.847.661.883	107.999.240.455
1.1 Tài sản cố định hữu hình	197.285.610.519	89.442.852.095	107.842.758.424
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>10.810.821.713</i>	<i>3.133.741.774</i>	<i>7.677.079.939</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>108.782.476.495</i>	<i>36.466.605.983</i>	<i>72.315.870.512</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>76.123.107.367</i>	<i>48.836.466.258</i>	<i>27.286.641.109</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>1.491.094.398</i>	<i>927.927.534</i>	<i>563.166.864</i>
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>78.110.546</i>	<i>78.110.546</i>	<i>0</i>
1.2 Tài sản cố định vô hình	561.291.819	404.809.788	156.482.031
1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-		
II. Tài sản không cần dùng	10.643.207.358	3.426.114.223	7.217.093.135
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>9.735.645.540</i>	<i>2.976.675.231</i>	<i>6.758.970.309</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>190.500.000</i>	<i>190.500.000</i>	<i>-</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>717.061.818</i>	<i>258.938.992</i>	<i>458.122.826</i>
III. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
Tổng	208.490.109.696	93.273.776.106	115.216.333.590

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Các tài sản cố định cần dùng của Công ty gồm:

▪ **Nhà cửa, vật kiến trúc:** hạng mục kiến trúc tại Cảng Phú Định, Trạm Bê tông nhựa nóng và hai tài sản cố định nhận bàn giao cụ thể:

- Nhà cửa vật kiến trúc tại Cảng Phú Định, Phường 16, quận 8, TP. HCM
- Nhà cửa vật kiến trúc tại 2 Xí nghiệp sản xuất bê tông nhựa nóng 1 tại Đường số 11, KP Cầu Ông Tấn, Phường Long Bình và ấp Bến Đò , Quận 9, TP.HCM
- Tài sản nhận bàn giao:
 - + Nhà tại số 22 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM
 - + Nhà tại số 476 Huỳnh Tấn Phát, P.Bình Thuận, Q7, TP. HCM.

▪ **Máy móc thiết bị:** Máy móc, thiết bị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hầu hết là các máy móc chuyên dùng sản xuất bê tông nhựa, máy nén, máy phun, máy xóa sơn đường, máy cắt,... hầu hết máy móc thiết bị này mang tính đặc thù cao.

▪ **Phương tiện vận tải:** Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2014 là các xe máy chuyên dùng và các loại xe khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đi lại của cán bộ công nhân viên Công ty.

▪ **Thiết bị, dụng cụ quản lý:** Thiết bị quản lý tại thời điểm 31/12/2014 là các hệ thống camera quan sát, hệ thống mạng nội bộ và các thiết bị văn phòng khác... được theo dõi trên sổ sách kế toán.

Các tài sản cố định không cần dùng của Công ty là phần tài sản nhà đất tại địa chỉ số 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10 (Khu 1) sẽ chuyển giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất theo Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Trong các tài sản này, có hạng mục tài sản là Căn tin của Công ty có giá trị còn lại đến 31/12/2014 là 325.763.019 đồng được hình thành từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi của cán bộ công nhân viên và một số thiết bị do phòng TCHC đang quản lý đã hư cũ.

Các tài sản chờ thanh lý: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty không có tài sản chờ thanh lý

2. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn được giao quản lý và sử dụng các lô đất sau đây:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Quyền sử dụng đất	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng đất	Giá trị QSDĐ tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
1	Số 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	1.581,5 (chưa trừ lộ giới 1.738,7)	GCN số CA1332 21	50 năm kể từ 30/12/2014	Văn phòng làm việc của công ty	Thuê đất 50 năm, trả tiền hàng năm	0
2	Số 22 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	538,1 (chưa trừ lộ giới 538,3)	QĐ 687/UB ND	50 năm kể từ 12/12/2014	Văn phòng làm việc các xí nghiệp	Thuê đất 50 năm, trả tiền hàng năm	0
Tổng cộng		2.119,6					

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** **176.833.546.396 đồng**

Trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 97.361.500.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 62.871.166.121 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 16.690.880.275 đồng
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: đồng

❖ **Các khoản phải thu:** **479.490.410.715 đồng**

- Phải thu ngắn hạn: 479.490.410.715 đồng
- Phải thu dài hạn: 0 đồng

❖ **Nợ phải trả:** **621.268.588.433 đồng**

- Nợ ngắn hạn: 619.909.270.138 đồng
- Nợ dài hạn: 1.359.318.295 đồng

❖ **Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi:** **28.324.169.149 đồng**

Công ty sẽ thực hiện chia số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm 31/12/2014 cho người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo tổng số năm (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 20/11/2015 (thời điểm UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn là **656 người**, trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	656	
- Trên đại học	9	1,37%
- Trình độ đại học	166	25,30%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	87	13,26%
- Trình độ khác	394	60,07%
Phân theo loại hợp đồng lao động	656	
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	7	1,07%
- Hợp đồng không thời hạn	589	89,79%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	57	8,69%
- Hợp đồng thời vụ	3	0,45%
Phân theo giới tính	656	
- Nam	574	87,50%
- Nữ	82	12,50%

Danh sách lao động theo Phụ lục đính kèm.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1400/QQĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Quy định phân công thực hiện quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Kế hoạch số 5626/KH-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quyết định số 6330/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 31/05/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Tp.Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 5851/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc điều chỉnh thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Tp.Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 6789/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc điều chỉnh thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Tp.Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2013 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn;
- Quyết định số 75/QĐ-BCĐ ngày 10/8/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn về việc kiện toàn Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hoá tại Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn;
- Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu Tư Tài Chính nhà nước Tp.Hồ Chí Minh để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 6110/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thuộc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp.Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng

phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.

▪ Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

▪ Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND Thành phố, các cơ quan ban ngành... nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

▪ Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.

▪ Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo.

▪ Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 6110/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn:

▪ Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Giao thông Sài Gòn là **883.932.822.462** đồng.

▪ Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Giao thông Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2014 để cổ phần hóa là: **181.908.347.989** đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2014 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	791.506.488.338	883.932.822.462	92.426.334.124
<i>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</i>	<i>109.149.457.212</i>	<i>129.407.606.557</i>	<i>20.258.149.345</i>
1. Tài sản cố định	107.999.240.455	128.257.389.800	20.258.149.345
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>107.842.758.424</i>	<i>128.100.907.769</i>	<i>20.258.149.345</i>
<i>Trong đó: Nhà cửa - vật kiến trúc</i>	<i>7.677.079.939</i>	<i>10.968.070.522</i>	<i>3.290.990.583</i>

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
Phương tiện vận tải	27.286.641.109	39.374.305.098	12.087.663.989
Máy móc thiết bị	72.315.870.512	76.878.687.268	4.562.816.756
Thiết bị dụng cụ quản lý	563.166.864	856.411.717	293.244.853
Tài sản cố định hữu hình khác	-	23.433.164	23.433.164
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	<i>156.482.031</i>	<i>156.482.031</i>	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Bất động sản đầu tư	-	-	-
5. Tài sản dài hạn khác	1.150.216.757	1.150.216.757	-
6. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	682.357.031.126	684.750.964.004	2.393.932.878
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	107.370.741.981	107.370.521.896	(220.085)
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>64.180.490</i>	<i>64.181.000</i>	<i>510</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>107.306.561.491</i>	<i>107.306.340.896</i>	<i>(220.595)</i>
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	479.490.410.715	480.616.493.909	1.126.083.194
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	12.886.218.842	14.154.288.611	1.268.069.769
5. Tài sản lưu động khác	82.609.659.588	82.609.659.588	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	69.774.251.901	69.774.251.901
1. Giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ		68.613.729.083	68.613.729.083
2. Giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị thương hiệu		1.160.522.818	1.160.522.818
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	7.217.093.135	7.217.093.135	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	7.217.093.135	7.217.093.135	-
1. Tài sản cố định	7.217.093.135	7.217.093.135	-
Trong đó: TS đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi	325.763.019	325.763.019	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	798.723.581.473	891.149.915.597	92.426.334.124
Trong đó:			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	791.506.488.338	883.932.822.462	92.426.334.124
E1. Nợ thực tế phải trả	621.268.588.433	701.403.027.829	80.134.439.396
Trong đó:			
- Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	621.446.644	621.446.644	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	169.616.453.261	181.908.347.989	12.291.894.728

Nguồn: Báo cáo XDGTĐN Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu: đã thực hiện đối chiếu công nợ là 460.063.428.369 đồng, chiếm tỷ lệ 95,72%; nợ phải thu chưa đối chiếu là 20.553.065.540 đồng chiếm tỷ lệ 4,28%.

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải trả: đã thực hiện đối chiếu công nợ là 699.456.856.529 đồng, chiếm tỷ lệ 99,72%; nợ phải thu chưa đối chiếu là 1.946.171.300 đồng chiếm tỷ lệ 0,28%.

Giá trị tài sản không cần dùng không tính vào giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2014:

- Nhà cửa vật kiến trúc tại số 132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10 (Khu 1): Nguyên giá 9.236.604.321 đồng, giá trị còn lại là 6.433.207.290 đồng.
- Máy móc thiết bị tại khối nhà văn phòng tại số 132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10 (khu 1): Nguyên giá: 190.500.000 đồng, giá trị còn lại: 0 đồng
- Thiết bị quản lý (hệ thống phòng cháy chữa cháy) tại khối nhà văn phòng tại số 132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10 (khu 1): Nguyên giá: 717.061.818 đồng, giá trị còn lại: 458.122.826 đồng.
- Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết: 84 khoản mục chủ yếu gồm máy lạnh, kệ, tủ và một số công cụ dụng cụ khác

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn có trách nhiệm bàn giao nhà cửa vật kiến trúc không cần dùng về cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và bàn giao các tài sản không cần dùng còn lại về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM; tiếp tục đối chiếu, theo dõi, xử lý dứt điểm các khoản phải thu, phải trả, hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; thực hiện đối chiếu, xử lý khoản nợ phải thu Công ty

TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Phú Đức và phải trả Xí nghiệp quản lý đường bộ 2 (đơn vị trực thuộc Công ty) theo đúng quy định trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; khẩn trương thực hiện các thủ tục, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp do công ty thực hiện trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “*Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ*”.

2. Tên Công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh : **SAIGON TRAFFIC CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **Công ty CP GT Sài Gòn**
- Trụ sở chính : Số 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08.38558649
- Fax : 08.38558649
- Website : www.giaothongsaigon.com.vn
- E-mail : ctgtsg@gmail.com



- Logo :

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần vẫn tiếp tục hoạt động các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21/01/2014, cụ thể như sau:

- Hoạt động công ích: Duy tu, sửa chữa công trình giao thông. Duy tu, sửa chữa công trình đường thủy. Duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; cây xanh; chiếu sáng, cầu, cống thoát nước, xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, bến bãi, cấp thoát nước, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, điện, chiếu

sáng, buro điện, cây xanh và công trình thủy. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: vận tải hàng hoá bằng ô tô.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ rửa xe 2 và 4 bánh.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: tư vấn xây dựng công trình giao thông nhóm B và C, tư vấn công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: sản xuất các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Sản xuất pano phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
- Xây dựng nhà các loại: Thi công xây dựng nhà xưởng, xây dựng dân dụng.
- Thoát nước và xử lý nước thải: thi công các công trình nạo vét, xử lý môi trường nước, nước thải.
- Phá dỡ: phá dỡ các công trình thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng: san lấp, chuẩn bị mặt bằng.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Tình hình vốn chủ sở hữu thực tế tại Công ty qua các năm

Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty trong quá trình 3 năm hoạt động trước cổ phần hóa (2012-2014), như sau:

TÌNH HÌNH VỐN CHỦ SỞ HỮU GIAI ĐOẠN 2012-2014

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Vốn Chủ sở hữu	225.647	259.582	176.833
Trong đó			
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>97.361</i>	<i>97.362</i>	<i>97.361</i>
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>		<i>45.305</i>	<i>62.781</i>
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>24.893</i>		
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>103.393</i>	<i>116.916</i>	<i>16.691</i>
Doanh thu	1.147.298	1.113.414	1.140.052

4.2. Xác định nhu cầu vốn điều lệ theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính

Với số vốn điều lệ thực tế hiện có hiện nay là rất thấp so với quy mô của Công ty, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, không đủ để đầu tư mua sắm máy móc

thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất, không đủ điều kiện để tham gia đấu thầu các gói thầu có giá trị lớn.

Do đó, để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, đảm bảo đủ vốn điều lệ để thực hiện đúng mục tiêu kế hoạch doanh thu – lợi nhuận đề ra, Công ty cần phải xác định mức vốn chủ sở hữu hợp lý.

- Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng cơ bản Công ty

Theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn đã được giao tài sản cố định 02 mặt bằng nhà đất để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

Theo kế hoạch trong giai đoạn 2016-2018, Công ty sẽ triển khai xây dựng tòa nhà văn phòng để làm trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM với diện tích mặt bằng là 1.581m² với tổng mức đầu tư dự kiến là 70 tỷ đồng.

Như vậy, trong giai đoạn 3 năm sau cổ phần, tổng nhu cầu vốn đầu tư, mua sắm hình thành tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh chính là **70.000 triệu đồng**. Đây là dự án quan trọng mang tính cấp bách phải được triển khai để đưa vào hoạt động sớm.

- Nhu cầu vốn cần thiết cho hoạt động kinh doanh

Dự báo tốc độ phát triển của Công ty giai đoạn 2016-2018 như sau:

DỰ BÁO TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2015-2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Giá trị	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước (%)	Giá trị	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước (%)	Giá trị	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước (%)
a. Tổng doanh thu	857.000	1.010.938	118,18%	1.079.884	106,82%	1.155.152	106,97%
b. Lợi nhuận trước thuế:	35.596	33.938	95,34%	36.253	106,82%	38.779	106,97%
c. Lợi nhuận sau thuế	30.717	27.150	88,39%	29.002	106,82%	31.024	106,97%

Theo dự báo tốc độ phát triển của Công ty giai đoạn 2016-2018 nêu trên, đồng thời căn cứ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2015-2018, tổng nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đến năm 2018 cụ thể như sau:

NHU CẦU VỐN CẦN THIẾT CHO KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2015-2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng nhu cầu vốn
1	Doanh thu	857.000	962.800	1.028.980	1.101.586	
2	Tốc độ tăng trưởng hàng năm so với năm trước		12,35%	6,87%	7,06%	

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng nhu cầu vốn
3	Mức chênh lệch tăng nhu cầu vốn SXKD hàng hóa, dịch vụ (V _{sxsp-kdhhdv})	-	105.800	66.180	72.606	244.586
4	Mức vốn điều lệ được điều chỉnh cho nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh (V _{sxsp-kdhhdv} x 30%)					73.376

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nhu cầu vốn điều lệ của Công Ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Sài Gòn dự kiến tăng thêm được xác định cụ thể như sau:

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐIỀU LỆ

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Vốn chủ sở hữu hiện hữu	181.908
2	Nhu cầu vốn đầu tư mua sắm hình thành tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp từ 2016-2018 (V _{kh})	70.000
3	30% vốn đầu tư, cho vay (V _{kh} x 30%)	21.000
4	Mức chênh lệch tăng nhu cầu Vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp (V _{sxsp-kdhhdv})	244.586
5	30% vốn hoạt động SXKD (V _{sxsp-kdhhdv} x 30%)	73.376
6	Nhu cầu vốn điều lệ cần thiết được xác định theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC (6=1+3+5)	276.284

4.3. Xác định nhu cầu vốn điều lệ theo phương pháp dự báo mô hình tài chính giai đoạn 2015-2020

a. Cơ sở dữ liệu và quy trình thực hiện các dự báo tài chính

Cơ sở dữ liệu dùng để dự báo là các báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng thuyết minh báo cáo tài chính các năm tài chính 2012, 2013, 2014.

Trên cơ sở dữ liệu đã được thống kê, lần lượt xác định các giá trị cần thiết làm thông số đầu vào của mô hình tài chính để thực hiện lập dự báo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và dự báo Bảng cân đối kế toán của công ty cho giai đoạn 2015-2020.

b. Xác định các thông số đầu vào

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp được lấy bằng 22% năm 2015 và 20% cho các năm còn lại theo quy định hiện hành.

Số liệu từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các giá trị được lấy từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Tổng doanh thu, chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, khấu hao, thu nhập hoạt động tài chính, tổng thu nhập trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc dự báo các giá trị này cho giai đoạn 2015-2020.

Số liệu từ bảng cân đối kế toán

Các giá trị được lấy từ bảng cân đối kế toán: Tài sản ngắn hạn, tiền mặt và các khoản tương đương tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, chi phí trả trước và các tài sản lưu động khác, nguyên giá tài sản cố định, khấu hao lũy kế, nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, vốn chủ sở hữu,... Các giá trị này sẽ được dùng để làm cơ sở cho việc dự báo giá trị để lập Bảng cân đối kế toán và tính toán các giá trị cần thiết cho giai đoạn 2015-2020.

Dự báo các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, chi phí

Trên cơ sở tổng hợp kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty, kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận cho giai đoạn dự báo 2015-2020 được lập ra, với một số điểm đáng chú ý:

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu: Trong năm 2015, do một số nhân tố khách quan và chủ quan tác động làm sụt giảm sản lượng vật liệu xây dựng (bê tông nhựa nóng) do Công ty sản xuất. Năm 2016, Công ty quyết tâm sẽ nâng sản lượng bê tông nhựa nóng đúng theo năng lực sản xuất thiết kế của 02 xí nghiệp. Do vậy, doanh thu năm 2016 sẽ tăng bất thường với tỷ lệ 12,38% so với năm 2015. Từ năm 2016-2020, doanh thu sẽ tăng trưởng bình thường với tỷ lệ dự kiến trung bình ở mức hợp lý khoảng 7,14%. Dự báo tăng trưởng doanh thu được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 2.2.1-Dự báo Giá trị sản lượng và doanh thu giai đoạn 2015-2020*.

- Tổng chi phí: Kể từ năm 2015, có 02 chi phí tăng đột biến so với giai đoạn trước đó bao gồm:

+ Kể từ năm 2016, phát sinh khoảng phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và gia tăng giá trị tài sản cố định khi xác định giá trị doanh nghiệp khoảng 9 tỷ đồng/năm, phân bổ trong 10 năm, dự kiến trung bình dự kiến khoảng 0,82%/doanh thu.

+ Tiền thuê đất tại trụ sở Công ty và Kho Phú Định tăng đột biến kể từ năm 2015 với mức tăng là 4,3 tỷ đồng/năm

Do vậy, tổng chi phí dự kiến chiếm trung bình khoảng 95,08%/doanh thu; trong đó:

+ Chi phí giá vốn hàng bán trung bình dự kiến khoảng 92,46%.

+ Khấu hao hàng năm trung bình dự kiến khoảng 2,28%/doanh thu.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp trung bình dự kiến khoảng 1,47%/doanh thu.

Dự báo Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn từ 2015 đến 2020 của Công ty được xác định căn cứ trên tỷ lệ % so với doanh thu được tính toán tại *Phụ lục 2.1-Dự báo một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh*. Một số các chỉ tiêu phần đầu đạt tỷ lệ ngang bằng với bình quân của giai đoạn kinh doanh bình thường trong quá khứ (tức giai đoạn 2012-2014). Dự báo Báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn 2015-2020 như sau:

DỰ BÁO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2015-2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	1.140,05	857,00	962,80	1.028,98	1.101,59	1.181,25	1.268,66
	Tỷ lệ tăng trưởng DT			12,35%	6,87%	7,06%	7,23%	7,40%
2	Tổng chi phí	(1.077,35)	(825,05)	(934,60)	(996,98)	(1.068,91)	(1.147,49)	(1.229,86)
a	Giá vốn hàng bán	(1.035,08)	(790,13)	(890,68)	(951,91)	(1.019,08)	(1.092,77)	(1.173,64)
b	Khấu hao	(19,87)	(20,89)	(21,03)	(21,23)	(24,94)	(28,67)	(28,92)
c	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN	(22,40)	(14,03)	(13,89)	(14,84)	(15,89)	(17,04)	(18,30)
d	Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh & gia tăng TSCĐ khi định giá	-	-	(9,00)	(9,00)	(9,00)	(9,00)	(9,00)
3	Lợi nhuận trước thuế	76,19	31,95	28,20	32,00	32,67	33,76	38,80
4	Thuế TNDN phải nộp	17,94	7,03	5,64	6,40	6,53	6,75	7,76
5	Lợi nhuận sau thuế	58,25	24,92	22,56	25,60	26,14	27,01	31,04
6	Phân phối lợi nhuận							
a	Trích lập quỹ, thưởng	-	4,98	4,51	5,12	5,23	5,40	6,21
b	Lợi nhuận giữ lại		7,48	6,77	7,68	7,84	8,10	9,31
c	Chi trả cổ tức	-	12,46	11,28	12,80	13,07	13,51	15,52
	Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	4,45%	4,03%	4,57%	4,67%	4,82%	5,54%

(Dự báo Báo cáo kết quả kinh doanh được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 2.2.2-Dự báo báo cáo kết quả kinh doanh*)

Dự báo các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán

Căn cứ vào các Báo cáo tài chính hàng năm làm tài liệu lịch sử để lập mô hình dự báo tài chính trong tương lai cho Công ty.

Đối với chỉ tiêu “Tài sản cố định”, dự báo trong năm 2016-2018 Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại Quận 7 với giá trị đầu tư khoảng 70 tỷ đồng. Do vậy chỉ tiêu này sẽ có mức tăng đột biến trong giai đoạn đầu tư.

Chỉ tiêu “Khoản nguồn vốn thiếu hụt cân bổ sung” được chọn làm hạng mục cân đối nhằm cân bằng giữa tổng tài sản và tổng nguồn vốn.

Dự báo Bảng cân đối kế toán giai đoạn từ 2015 đến 2020 của Công ty được xác định căn cứ trên tỷ lệ % so với doanh thu được tính toán tại *Phụ lục 2.2-Dự báo một số chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán*. Các chỉ tiêu này phân đầu đạt tỷ lệ ngang bằng với bình quân của giai đoạn kinh doanh bình thường trong quá khứ (tức giai đoạn 2012-2014).

Kết quả dự báo Bảng cân đối kế toán cho giai đoạn từ 2015-2020 như sau:

DỰ BÁO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIAI ĐOẠN 2015-2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	TÀI SẢN							
A	Tài sản ngắn hạn	682,36	538,84	604,40	627,42	670,59	717,90	769,76
1	Tiền mặt và tương đương tiền	107,37	79,77	89,62	95,78	102,53	109,95	118,09
2	Khoản phải thu	479,49	381,94	428,13	439,03	468,91	501,64	537,49
3	Hàng tồn kho	12,89	12,86	14,44	15,43	16,52	17,72	19,03
4	Chi phí trả trước và TSLĐ khác	82,61	64,28	72,21	77,17	82,62	88,59	95,15
B	Tài sản dài hạn	116,37	96,05	107,05	127,94	105,28	79,05	52,76
1	Tài sản cố định	115,22	95,18	76,08	56,90	104,16	77,85	51,48
	Nguyên giá	208,49	209,35	211,27	213,33	285,53	287,90	290,43
	Trừ khấu hao lũy kế	(93,27)	(114,17)	(135,20)	(156,43)	(181,37)	(210,04)	(238,96)
2	Tài sản cố định khác	1,15	0,86	0,97	1,04	1,11	1,19	1,28
3	Đầu tư XDCB	-	-	30,00	70,00	-	-	-
	Tổng cộng tài sản	798,72	634,88	711,44	755,36	775,86	796,95	822,51
II	NGUỒN VỐN	-	-	-	-	-	-	-
A	Nợ phải trả	621,27	382,86	429,56	456,60	488,74	521,07	559,76
1	Nợ ngắn hạn	619,91	382,86	429,56	456,60	488,74	521,07	559,76
a	Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
b	Khoản phải trả	70,02	43,45	48,82	49,60	53,10	53,99	57,98
c	Khoản nợ thuế TNDN	26,19	1,76	1,41	1,60	1,63	1,69	1,94
d	Nợ ngắn hạn khác	523,69	337,65	379,33	405,40	434,01	465,40	499,84
2	Nợ dài hạn	1,36	-	-	-	-	-	-
B	Vốn chủ sở hữu	177,45	252,03	281,89	298,76	287,12	275,88	262,76
1	Khoản nguồn vốn thiếu hụt cần bổ sung	-	84,41	107,50	116,69	97,21	77,86	55,43
2	Vốn điều lệ/vốn cổ phần	160,14	160,14	160,14	160,14	160,14	160,14	160,14
3	Khác	0,62	-	-	-	-	-	-
4	Lợi nhuận giữ lại	16,69	7,48	14,25	21,92	29,77	37,87	47,18
	Tổng cộng nguồn vốn	798,72	634,88	711,44	755,36	775,86	796,95	822,51

(Dự báo Bảng cân đối kế toán sẽ được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 2.3-Dự báo Bảng cân đối kế toán*)

c. Kết luận

Từ kết quả trên, để đảm bảo mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển theo đúng chiến lược của Công ty, chỉ tiêu “Vốn chủ sở hữu” của Công ty ước phải đạt mức hợp lý khoảng từ 277 tỷ đồng – 310 tỷ đồng, chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn chủ sở hữu	252,03	281,89	298,76	287,12	275,88	262,76
	Trong đó: Khoản nguồn vốn thiếu hụt cần bổ sung	84,41	107,50	116,69	97,21	77,86	55,43

4.4. Đối chiếu tham khảo với chỉ số chung của ngành xây dựng Việt nam

Sử dụng số liệu thống kê về chỉ tiêu tài chính Hệ số vòng quay vốn chủ sở hữu bình quân của ngành xây dựng để xác định nhu cầu vốn điều lệ cho Công ty trong giai đoạn 2015-2018. Qua tham khảo các chỉ số tài chính, số liệu thống kê bình quân các chỉ số cơ bản của ngành xây dựng Việt Nam tại website **cophieu68** do Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Cây Cầu Vàng thực hiện thống kê qua các năm như sau:

CHỈ SỐ HỆ SỐ VÒNG QUAY VỐN CHỦ SỞ HỮU NGÀNH XÂY DỰNG VIỆT NAM

STT	Chỉ tiêu	2014	2013	2012	2011	2010	Bình quân
01	Vòng quay vốn chủ sở hữu	225%	203%	200%	243%	287%	231%

(Nguồn: website http://www.cophieu68.vn/statistic_index.php?id=%5EXAYDUNG)

Với dự kiến doanh thu thực hiện hàng năm trong giai đoạn 2014-2018 ước đạt từ 946.381 triệu đồng đến 1.237.283 triệu đồng, với hệ số vòng quay vốn chủ sở hữu bình quân ngành là 2,31 lần. Dự kiến nhu cầu vốn điều lệ của Công ty cho từng năm phải đảm bảo quy mô như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM				
		2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu	Tỷ đồng	855,42	1.010,94	1.079,88	1.155,15	1.237,28
Hệ số vòng quay vốn chủ sở hữu	lần	2,31				
Nhu cầu vốn điều lệ	Tỷ đồng	370,31	437,64	467,48	500,07	535,62

Qua số liệu dự kiến như trên, để các chiến lược có thể được thực hiện thành công, ngoài các giải pháp như đã nêu, Công ty cần quan tâm đảm bảo mức vốn điều lệ đáp ứng cho nhu cầu phát triển của mình theo lộ trình nâng dần quy mô từ 409 tỷ đồng đến 535 tỷ sau năm 2018.

Để đảm bảo quy mô này, ngoài phần vốn điều lệ ban đầu, khi có nhu cầu bổ sung thêm vốn điều lệ Công ty phải xây dựng lộ trình phát hành thêm cổ phiếu có thể huy động thêm khả năng tài chính của các cá nhân và tổ chức để hoàn thành các mục tiêu chiến lược kinh doanh như đã đề ra.

4.5. Dự kiến mức vốn điều lệ của Công ty

Như vậy, tổng hợp các kết quả tính toán nêu trên ((1) xác định nhu cầu vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính; (2) xác định nhu cầu vốn điều lệ theo phương pháp dự báo mô hình tài chính; đồng thời đối chiếu với hệ số vòng quay vốn chủ sở hữu bình quân ngành xây dựng Việt Nam), sau khi cân đối với khả năng thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trong 5 năm sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn dự kiến mức vốn điều lệ của Công ty là **280 tỷ đồng**.

Vốn điều lệ của Công ty được xác định như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 280.000.000.000 đồng

- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 28.000.000 cổ phần
- Đề xuất tỷ lệ nắm giữ của Nhà nước tại công ty cổ phần:

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/01/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về ban hành kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban Nhân dân TP.HCM giai đoạn 2013-2015, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Theo Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính Phủ, doanh nghiệp có ngành nghề “*Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa*” thuộc diện có tỷ lệ Nhà nước nắm giữ từ 75% vốn điều lệ trở lên.

Xét trên tình hình thực tế của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn như sau:

- Trong các ngành nghề kinh doanh của Công ty, có hoạt động công ích là duy tu, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; cây xanh; chiếu sáng, cầu, cống thoát nước, xử lý nước thải. Công ty hoạt động dựa trên phân cấp quản lý chứ không trực tiếp thực hiện quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa.

- Hoạt động công ích liên quan duy tu, sửa chữa không phải là hoạt động chính của Công ty. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động công ích chiếm khoảng 30% doanh thu thuần, trong đó có xu hướng giảm từ mức 35,93% năm 2012 xuống còn 29,78% năm 2014.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp công trình với tỷ trọng doanh thu luôn chiếm từ 40% trở lên và có xu hướng tăng dần. Sau khi cổ phần hóa, định hướng phát triển của Công ty cũng tập trung vào hoạt động xây lắp công trình và kinh doanh bê tông nhựa nóng.

Căn cứ tình hình thực tế trên, Công ty kính trình Ban chỉ đạo xem xét trình UBND thành phố phê duyệt tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty theo diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối, cụ thể đề xuất tỷ lệ nắm giữ của nhà nước tại công ty cổ phần là **49%**.

Cơ cấu sở hữu cổ phần trong tổng vốn điều lệ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	13.720.000	137.200.000.000	49,00%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	1.115.000	11.150.000.000	3,99%
2.1	- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	665.000	6.650.000.000	2,38%

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
2.2	- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	450.000	4.500.000.000	1,61%
3	Công đoàn công ty	0	0	0
4	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	13.165.000	131.650.000.000	47,01%
	Tổng cộng	28.000.000	280.000.000.000	100%

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC. Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá là cơ sở để xác định giá bán cổ phần cho người lao động được mua cổ phần.

Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai, sẽ bán tiếp số lượng cổ phần chưa bán hết (nếu có) theo phương thức thỏa thuận trực tiếp, theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

5.2 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

5.3 Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

❖ Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

▪ Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 20/11/2015 (thời điểm UBND TP. HCM công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn để cổ phần hóa) là: **656 người**;

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **642 người**;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **6.650 năm**.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 665.000 cổ phần với tổng mệnh giá là **6.650.000.000** đồng chiếm 2,38% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

❖ ***Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần***

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần người lao động được “*Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động; Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa*”.

Giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

Theo quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì:

“ c) Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) *Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.*

Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.”

Công ty có **279** CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **450.000** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là **4.500.000.000** đồng chiếm 1,61% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là **274.000** cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao bao gồm:

(A) Mục đích, ý nghĩa:

- Lựa chọn những CBCNVC-LĐ có trình độ, năng lực, tay nghề cao.
- Nhằm tạo sự quan tâm, gắn kết giữa người lao động với Công ty.
- Khai thác hiệu quả nguồn nhân lực hiện có.

(B) Nội dung tiêu chí:

(i) Đối tượng:

➤ Đối với cấp quản lý:

▪ Đang nắm giữ các chức danh quản lý, lãnh đạo tại công ty: Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, Trưởng phó phòng ban, Trưởng phó các Xí nghiệp trực thuộc.

➤ Đối với cấp nhân viên:

▪ Nhân viên các phòng tham mưu, nhân viên Xí nghiệp, nhân viên tuần tra.

➤ Đối với công nhân:

▪ Tổ trưởng sản xuất, công nhân trực tiếp sản xuất có kinh nghiệm, tay nghề cao;

▪ Công nhân trực tiếp điều khiển các xe máy, thiết bị hiện đại của công ty: xe cào bóc tái chế, xe cào bóc, xe tái sinh nguội, máy rải ciment, máy rải nhựa nóng, xe đào, xe xúc, xe bang, xe đầu kéo, vận hành trạm nhũ tương và trạm beton nhựa nóng, thiết bị thí nghiệm...

Ngoài 03 đối tượng nêu trên, các cá nhân từng đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trong 3 năm liền cũng thuộc đối tượng của tiêu chí này.

(ii) Tiêu chuẩn:

➤ Đối với cấp quản lý:

- Về trình độ: Tốt nghiệp đại học hoặc cao hơn.
- Về tuổi đời: không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ tính đến ngày 30/12/2015;

➤ Đối với cấp nhân viên:

- Về trình độ: Tốt nghiệp đại học hoặc cao hơn. Có kỹ năng chuyên môn vượt trội đồng nghiệp; hoàn thành tốt công việc được giao; tinh thông nghiệp vụ, am tường về công việc đang làm;
- Về tuổi đời: không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ tính đến ngày 30/12/2015;
- Thâm niên: có thời gian công tác ở Công ty ít nhất từ 3 năm trở lên;

➤ Đối với công nhân:

- Về trình độ: có kinh nghiệm, tay nghề cao (bậc 6/7 trở lên đối với công nhân đường bộ hoặc bậc 4/4 đối với công nhân lái xe), trình độ văn hoá 12/12 hoặc có ít nhất 01 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công ty đánh giá cao trong 3 năm vừa qua;
- Về tuổi đời: không quá 50 tuổi đối với nam, không quá 45 tuổi đối với nữ tính đến ngày 30/12/2015;
- Thâm niên: có thời gian công tác ở Công ty ít nhất từ 3 năm trở lên.

(iii) Tiêu chuẩn khác:

Tất cả các đối tượng nêu trên phải có đủ sức khoẻ và cam kết làm việc cho Công ty ít nhất 3 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày 10/12/2015.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

Giá bán: Bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng thời gian người lao động cam kết khi mua cổ phần.

Danh sách đăng ký mua cổ phần với giá ưu đãi theo cam kết thời gian làm việc tại Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

5.4 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật

Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.

Công Đoàn Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn không đăng ký mua cổ phần ưu đãi do không có nguồn kinh phí theo Công văn số 106/CD ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ban chấp hành Công đoàn.

5.5 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 quy định về nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và căn cứ vào đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn dự kiến tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần của Công ty cổ phần gồm:

- a. Là nhà đầu tư có thời gian hoạt động tối thiểu là 05 năm, có chức năng, ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh
- b. Khuyến khích nhà đầu tư chiến lược có mối quan hệ hợp tác kinh tế với Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn trong thời gian trước khi cổ phần hóa, cụ thể là đối tác uy tín hoặc đã và đang hợp tác mang lại lợi nhuận cho Công ty trong các hoạt động cung ứng nguyên vật liệu, thi công công trình, tiêu thụ, phân phối sản phẩm đầu ra hoặc hợp tác kinh doanh với Công ty.
- c. Có năng lực về tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (đã được kiểm toán) không lỗ trong 03 năm 2012, 2013, 2014; Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2015 không vượt quá 3 lần;
 - Vốn chủ sở hữu không có lỗ lũy kế đến 30/09/2015;
 - Hoạt động sản xuất kinh doanh không vi phạm pháp luật, không bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh;
 - Chứng minh có đủ nguồn tài chính để mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược theo tỷ lệ trong phương án cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d. Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc:
 - Có cam kết bằng văn bản đem lại lợi ích lâu dài và gắn bó tối thiểu 5 năm với Công ty sau khi cổ phần hóa; hỗ trợ công ty sau khi cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường;

- Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là 5 năm tính từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo Luật doanh nghiệp;
- Không thực hiện các giao dịch với các công ty cổ phần khác có cùng ngành nghề, mà các giao dịch này dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần.

Trong thời gian qua, Công ty đã làm việc với một số đối tác. Tuy nhiên, tính đến thời điểm trình phê duyệt phương án, chưa có nhà đầu tư nào chính thức phản hồi với Công ty. Do đó, Công ty đề xuất không bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tất cả các cổ phần sẽ được bán công khai trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định.

5.6 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **13.165.000 cổ phần** với tổng mệnh giá **131.650.000.000** đồng, chiếm 47,01% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm dự kiến: **10.000 đồng/cổ phần** (Tham khảo Báo cáo xác định giá khởi điểm của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á).
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 01/2016 sau khi có Quyết định của UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/06/2009, các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

6.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

7. Kế hoạch đăng ký giao dịch tập trung trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Công văn số 2405/UBND-CNN về việc cổ phần hóa DNNN gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và quy định tại khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước:

“Điều 14. Đăng ký giao dịch và niêm yết

1. Đối với doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định trên.

8. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa

8.1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, tổng mức chi phí cổ phần hóa tối đa đối với doanh nghiệp có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán có giá trị trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 890.824.152.578 đồng, do đó, tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty theo quy định là 500 triệu đồng.

Căn cứ vào chi phí liên quan đến cổ phần hóa đã chi và dự kiến chi, Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa (chưa bao gồm thuế VAT) là **820.400.000 đồng**. Cụ thể, tổng mức chi phí cổ phần hóa dự kiến gồm các khoản mục chính sau:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (đ)	GHI CHÚ
A.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp		
1	Chi phí tập huấn cổ phần hóa	18.000.000	
2	Chi phí tổ chức Đại hội CNVC để triển khai cổ phần hóa, Đại hội cổ đông thành lập (chi phí photocopy tài liệu cho CBCNV, hoa, nước...)	20.000.000	
3	Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin bao gồm photocopy chuẩn bị hồ sơ, hồ sơ công bố thông tin (thuê hội trường, nước, photo tài liệu tuyên truyền cho người lao động...)	20.000.000	
4	Chi phí đăng báo công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài (3 số báo liên tiếp của 1 tờ báo phát hành trong toàn quốc và 1 tờ báo địa phương nơi Công ty có trụ sở chính)	21.000.000	
5	Chi phí để tổ chức bán đấu giá cổ phần: CP hoạt động đấu giá (*)	300.000.000	
6	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu (photo tài liệu, in ấn thư mời và tài liệu cho cổ đông, khách mời, thuê hội trường, tiệc chiêu đãi, quà tặng cho khách mời, cổ đông...)	30.000.000	
B	Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên quan		
1	Thuê Đơn vị tư vấn cổ phần hóa xác định giá trị doanh nghiệp. Tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa, Tư vấn lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần, Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông thành lập, Tư vấn các thủ tục hoàn tất cổ phần hóa	253.000.000	
C.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc		
1	Thù lao Ban chỉ đạo (08 người x 1.000.000 đồng/tháng x 09 tháng)	72.000.000	
2	Thù lao Tổ giúp việc (12 người x 800.000 đồng/tháng x 09 tháng)	86.400.000	
	TỔNG CỘNG	820.400.000	

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, mức thu phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần, tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét, trình Ủy ban Nhân dân TP.HCM phê duyệt chi phí cổ phần hóa dự kiến của Công ty như trên. Chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8.2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của công ty mẹ - Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước Tp.Hồ Chí Minh, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/ cổ phần):

Đvt: đồng

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	280.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	181.908.347.989
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	140.143.200.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		8.485.200.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		3.990.000.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		4.500.000.000
3.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		131.650.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	142.800.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = (a) – (b)	98.091.652.011
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	820.400.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	2.140.853.348
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	-
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	39.087.094.641

Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

III. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	656	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	7	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	649	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	589	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	57	
	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 3 tháng	3	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	-	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	40	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	1	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	4	
	- Hết hạn HĐLĐ	2	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	2	
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	-	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	35	
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ-CP	35	
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	-	
III	Số lao động được bổ sung sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (Theo Quyết định 367/QĐ-UBND-TC của UBND thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/11/2015)	1	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	617	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	617	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	3	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	- Ốm đau	2	
	- Thai sản	1	
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	-	
	- Nghĩa vụ quân sự	-	
	- Nghĩa vụ công dân khác	-	
	- Bị tạm giam, tạm giữ	-	
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	-	

Ghi chú: Khoản 1 mục III có bao gồm khoản 2, 3 mục III

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	617	
Phân theo trình độ lao động	617	
- Trên đại học	9	1,46%
- Trình độ đại học	164	26,58%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	86	13,94%
- Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	358	58,02%
Phân theo loại hợp đồng lao động	617	
- Không ký hợp đồng	8	1,29%
- Hợp đồng không thời hạn	551	89,30%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	55	8,91%
- Hợp đồng thời vụ+Lao động không thuộc diện ký HĐ	3	0,50%
Phân theo giới tính	617	
- Nam	537	87,03%
- Nữ	80	12,97%

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

II. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số

63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn có tổng cộng **35 người lao động** không bố trí được việc làm theo Nghị định 63/2015/NĐ – CP. Trong số những lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, có **08 người lao động** sẽ giải quyết nghỉ hưu trước tuổi theo, **21 lao động** được tuyển dụng trước ngày 21/04/1998 sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động, **06 người lao động** được tuyển dụng từ ngày 21/04/1998 trở về sau sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động.

Công ty dự kiến tổng mức hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng tính đến thời điểm 31/12/2015 là **2.290.686.846 đồng**, bao gồm:

▪ **Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hưởng chính sách theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP (08 người): 412.391.848 đồng**

+ Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 55 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ (07 người): 394.566.848 đồng

– Hỗ trợ 03 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi: 162.841.848 đồng.

– Hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội: 231.725.000 đồng.

(Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)

+ Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi từ trên 59 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 54 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ (01 người): 17.825.000 đồng

– Hỗ trợ 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội: 17.825.000 đồng.

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)

▪ **Đối tượng dôi dư được tuyển dụng trước 21/04/1998 không đủ điều kiện chế độ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị định 63/2015/NĐ-CP (21 người): 1.728.461.500 đồng**

– Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương: 1.452.806.500 đồng;

– Hỗ trợ một khoản tiền cho mỗi năm làm việc tại công ty thực hiện sắp xếp lại: 275.655.000 đồng, cụ thể:

- Mức 1,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc dưới 20 năm;

- Mức 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 20 năm đến dưới 25 năm;

- Mức 0,2 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 25 năm trở lên.

(Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)

▪ **Đối tượng dôi dư được tuyển dụng từ ngày 21/08/1998 trở về sau thực hiện chấm dứt HĐLĐ (6 người): 149.833.500 đồng.**

– Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương (theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13).

(Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ – CP ngày 22/07/2015 về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

“1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 3 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được quy định như sau:

a) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

b) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

c) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ các khoản thu theo quy định của pháp luật; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 4 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của công ty thực hiện sắp xếp lại.”

Do đó tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dôi dư hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP dự kiến là **2.290.686.848 đồng**

- Từ tiền bán cổ phần lần đầu, khi không đủ Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn xin bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: 2.140.853.348 đồng.

- Trách nhiệm Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn chi trả: 149.833.500 đồng.

Nguồn kinh phí chi trả cho người lao động sẽ được quyết toán theo số liệu thực tế chi trả cho người lao động tại thời điểm người lao động chính thức có quyết định nghỉ việc.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

PHẦN IV:

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ hoạt động dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, với sự giám sát của Ban Kiểm soát theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc thành lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty cổ phần.

Điều lệ, được xây dựng trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật hiện hành, là cơ sở cho hoạt động của công ty cổ phần.

Bộ máy quản lý điều hành Công ty được sắp xếp tinh gọn, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh sau giai đoạn cổ phần hóa. Các phòng ban được tổ chức để phụ trách các mảng nghiệp vụ kinh doanh chuyên biệt trong Công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy sẽ nhằm đến tính linh động trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo phát huy hết các nguồn lực của Công ty.

Ngoài ra trong mô hình hoạt động của mình, Công ty sẽ thành lập các công ty thành viên hoặc liên doanh, liên kết để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh hoặc dự án đầu tư chuyên biệt.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ đảm bảo một số nguyên tắc sau:

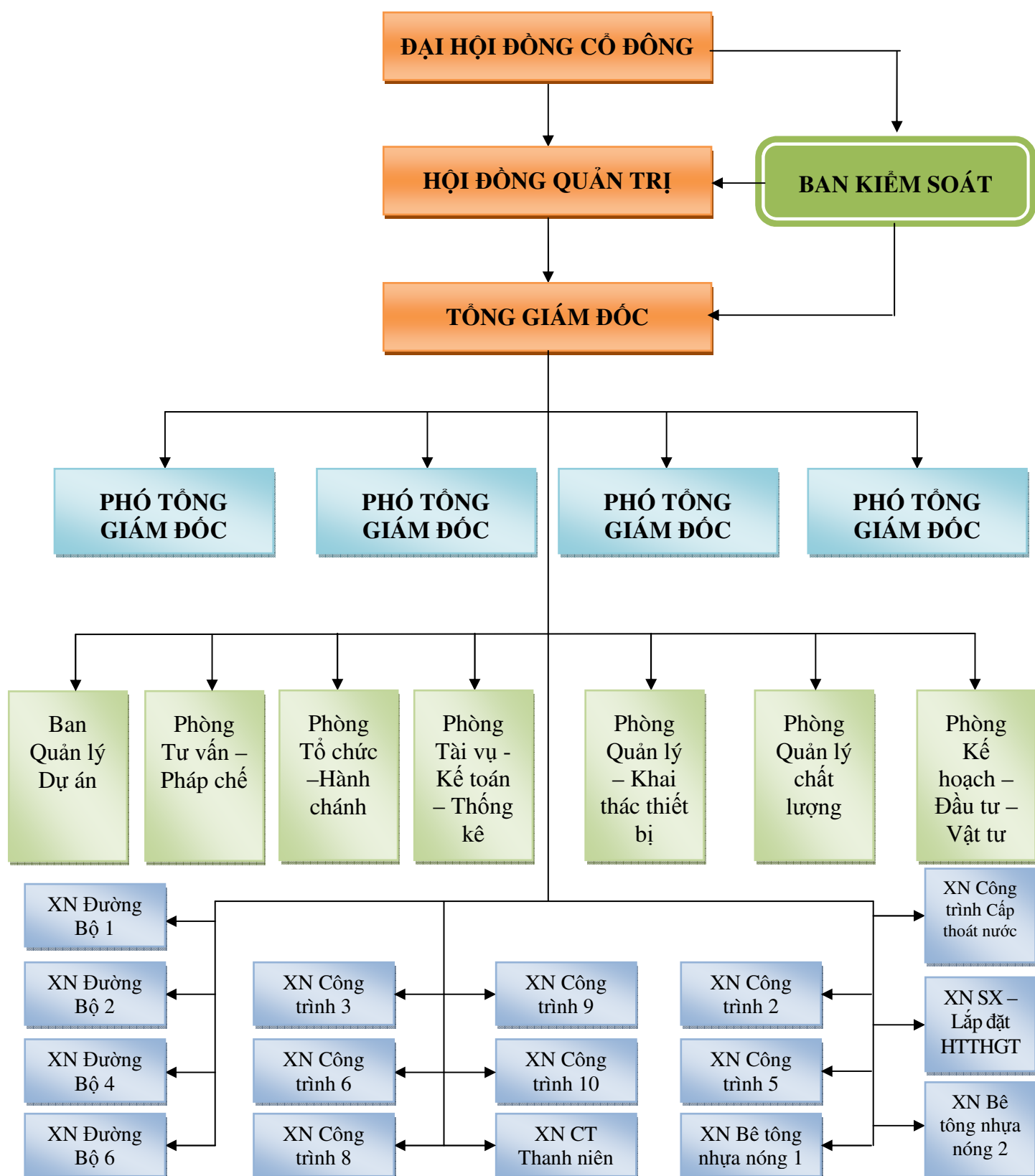
- Tận dụng tối đa nguồn lao động của Công ty tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Luôn có kế hoạch tuyển chọn và đào tạo đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn và khả năng quản lý để tạo nguồn nhân lực kế thừa cho đội ngũ quản trị của Công ty.
- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực hiệu quả, tạo môi trường và điều kiện làm việc thông thoáng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp với những đặc trưng riêng, tạo sự gắn kết trong nhân viên và giữa nhân viên với Công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên năng lực và trình độ của cán bộ nhân viên, nhằm đảm bảo phân phối thu nhập một cách hợp lý, xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân, tạo động lực để mọi thành viên trong Công ty có sự phấn đấu, nỗ lực để đạt được những thành quả lớn hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

- Dự kiến bộ máy tổ chức công ty như sau:

- Hội đồng thành viên;

- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- 06 Phòng ban chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Tài vụ - Kế toán – Thống kê; Phòng Quản lý – Khai thác thiết bị; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật Tư; Phòng Tư vấn – Pháp chế; Ban Quản lý dự án.
- 16 Xí nghiệp trực thuộc Công ty: Xí nghiệp Đường bộ 1, Xí nghiệp Đường Bộ 2, Xí nghiệp Đường Bộ 4, Xí nghiệp Đường Bộ 6, Xí nghiệp Công trình 2 Xí nghiệp Công trình 3, Xí nghiệp Công trình 5, Xí nghiệp Công trình 6, Xí nghiệp Công Trình 8, Xí nghiệp Công trình 9, Xí nghiệp Công trình 10, Xí nghiệp Công trình Thanh Niên, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng, Xí nghiệp Công trình Cấp thoát nước, Xí nghiệp Sản xuất – lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng 2.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN



Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 01 năm 2014, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn như sau:

- Hoạt động công ích: Duy tu, sửa chữa công trình giao thông. Duy tu, sửa chữa công trình đường thủy. Duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; cây xanh; chiếu sáng, cầu, cống thoát nước, xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, bến bãi, cấp thoát nước, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, điện, chiếu sáng, buro điện, cây xanh và công trình thủy. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: vận tải hàng hoá bằng ô tô.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ rửa xe 2 và 4 bánh.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: tư vấn xây dựng công trình giao thông nhóm B và C, tư vấn công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: sản xuất các loại vật liệu xây dựng chuyên ngành, tín hiệu giao thông. Sản xuất pano phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
- Xây dựng nhà các loại: Thi công xây dựng nhà xưởng, xây dựng dân dụng.
- Thoát nước và xử lý nước thải: thi công các công trình nạo vét, xử lý môi trường nước, nước thải.
- Phá dỡ: phá dỡ các công trình thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng: san lấp, chuẩn bị mặt bằng.

II. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

1. Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

▪ Năm 2015 tiếp tục là một năm dự báo đà phục hồi của Kinh tế Việt Nam, đón đầu nhiều cơ hội tích cực cho nền kinh tế từ việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có TPP, EVFTA... Quá trình hội nhập cùng với những yếu tố thuận lợi trong môi trường đầu tư sẽ tiếp tục thu hút các luồng vốn đầu tư vào Việt Nam. Các yếu tố trên sẽ làm tiền đề để kinh tế phát triển mạnh hơn, làm gia tăng nhu cầu tại nhiều lĩnh vực, trong đó hạ tầng kỹ thuật luôn là một lĩnh vực quan trọng, do vậy xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng sẽ có nhiều cơ hội đột phá.

- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ mang đến cho Công ty sự năng động và tự chủ cao trong hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh của mình và có điều kiện mở rộng nhiều hơn, đa dạng hơn các lĩnh vực kinh doanh so với ngành nghề truyền thống hiện nay. Ngoài ra, mô hình mới sẽ giúp Công ty linh hoạt hơn, có khả năng phản ứng nhanh nhạy hơn trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình thị trường.

- Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tạo nhiều cơ hội và thuận lợi cho Công ty trong việc quảng bá thương hiệu, huy động vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, phát triển các dự án của Công ty.

❖ Thách thức

- Quá trình hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới thông qua các Hiệp định tự do thương mại sẽ tiếp tục mang đến nhiều cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Quá trình này sẽ khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều sức ép cạnh tranh từ các nhà đầu tư dồi dào về tiềm lực tài chính và nhiều kinh nghiệm, cạnh tranh trên thị trường sẽ ngày càng diễn ra gay gắt hơn với sự tham gia của nhiều đối thủ cạnh tranh hơn trong tất cả các lĩnh vực mà công ty tham gia vào thị trường.

- Với sự phát triển và hội nhập nhanh chóng, Công ty cần phải liên tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh xây dựng công trình.

- Sau cổ phần hoá, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một trong những trở ngại doanh nghiệp có thể gặp phải. Phương thức quản trị điều hành mới đòi hỏi Công ty phải có thời gian để thích nghi.

2. Định hướng phát triển của Công ty

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, với thế mạnh về kinh nghiệm và mối quan hệ với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, uy tín với khách hàng, Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn sẽ tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực chính mà Công ty hoạt động trước khi cổ phần hóa. Cụ thể như sau:

Lĩnh vực cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích: Giữ vững thị trường khách hàng mục tiêu là các Chủ đầu tư thuộc Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh; Thâm nhập các lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng cầu trên địa bàn Tp.Hồ Chí Minh; Mở rộng thị trường quản lý, bảo dưỡng trên các tuyến quốc lộ ngoài phạm vi Tp.Hồ Chí Minh

Lĩnh vực thực hiện công trình kinh doanh: Mở rộng hơn nữa thị trường khách hàng mục tiêu là các Chủ đầu tư thuộc Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh, Trung tâm chống ngập; Mở rộng thị trường thi công các tỉnh lân cận; Mở rộng lĩnh vực thi công thông qua việc tham gia thi công các công trình cầu, cây xanh, chiếu sáng, thủy lợi.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh VLXD: Chủ động đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty; Giảm chi phí vật tư đầu vào, tăng sức cạnh tranh trên thị trường; Tối đa hóa chuỗi giá trị của công ty; Mở rộng sản xuất, kinh doanh VLXD: đá các loại, bê tông tươi, thép nhúng kẽm, ống cống đúc sẵn, cọc bê tông đúc sẵn, cừ bản bê tông dự ứng lực.

Lĩnh vực cho thuê xe máy, thiết bị thi công: Chủ động tìm kiếm khách hàng để cho thuê xe máy, thiết bị thi công hoặc hợp tác thi công cơ giới nhằm khai thác hiệu quả lực lượng cơ giới của Công ty.

Ngoài ra, để tăng tính cạnh tranh sản phẩm của Công ty trên thị trường và hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty có các định hướng như sau:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin khách hàng, khảo sát, nắm bắt tình hình thị trường, thị hiếu người tiêu dùng nhằm xác định được và lựa chọn khách hàng mục tiêu phù hợp, giúp cho việc đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn và khả thi;
- Có sự chuẩn bị đầy đủ về năng lực pháp lý để có thể có sự vận hành thông suốt trong quá trình hoạt động kinh doanh, tránh những tổn thất phát sinh do các rủi ro mang tính pháp lý, khi hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng sang nhiều lĩnh vực, và thị trường bất động sản của Việt Nam ngày càng hội nhập hơn với sự tham gia của nhiều các đầu tư từ nhiều nước trên thế giới;
- Nắm bắt kịp thời thông tin thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng, phân khúc thị trường để đưa ra sản phẩm đáp ứng kịp thời, có giá thành phù hợp và có tính cạnh tranh cao hơn nhằm tìm kiếm khách hàng;
- Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực của Công ty nhằm tăng cao tính cạnh tranh của Công ty đối với các công ty cùng ngành. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên rà soát, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ các dự báo về doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty (đã nêu tại Mục 4.3 - Xác định nhu cầu vốn điều lệ, Phần II - Nội dung phương án cổ phần hóa), kế hoạch sản xuất kinh doanh cho giai đoạn dự báo 2015-2020 được lập dựa trên các thông số như sau:

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu: Từ năm 2016-2020, doanh thu tăng trưởng với tỷ lệ dự kiến trung bình ở mức hợp lý khoảng 7,14%. Dự báo tăng trưởng doanh thu được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 2.2.1-Dự báo Giá trị sản lượng và doanh thu giai đoạn 2015-2020*.

Do vậy, tổng chi phí dự kiến chiếm trung bình khoảng 95,08%/doanh thu; trong đó:

+ Chi phí giá vốn hàng bán trung bình dự kiến khoảng 92,46%.

+ Khấu hao hàng năm trung bình dự kiến khoảng 2,28%/doanh thu.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp trung bình dự kiến khoảng 1,47%/doanh thu.

+ Một số các chỉ tiêu phân đầu đạt tỷ lệ ngang bằng với bình quân của giai đoạn kinh doanh bình thường trong quá khứ (tức giai đoạn 2012-2014).

+ Phân phối lợi nhuận: sử dụng 50% lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức, 30% lợi nhuận giữ lại bổ sung vốn, 20% trích lập các quỹ.

Dự báo Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn từ 2015 đến 2020 của Công ty được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 2.2.2-Dự báo Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn 2015-2020*. Các chỉ tiêu cơ bản được trình bày tóm tắt ở bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	280.000,00	280.000,00	280.000,00	280.000,00	280.000,00
2	Tổng số lao động	Người	630,00	630,00	630,00	630,00	630,00
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	97.200,00	104.976,00	113.374,08	122.444,01	132.239,53
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	12.857,14	13.885,71	14.996,57	16.196,30	17.492,00
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	962.800,00	1.028.980,00	1.101.586,00	1.181.249,08	1.268.662,74
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	934.597,88	996.984,04	1.068.912,12	1.147.485,72	1.229.857,88
7	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	28.202,12	31.995,96	32.673,88	33.763,36	38.804,86
8	Lợi nhuận thực hiện/Vốn điều lệ	%	10,07%	11,43%	11,67%	12,06%	13,86%
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	22.561,69	25.596,77	26.139,10	27.010,69	31.043,89
10	Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	8,06%	9,14%	9,34%	9,65%	11,09%
11	Lợi nhuận giữ lại bổ sung vốn và trích lập các quỹ, thưởng	Tr.đồng	11.280,85	12.798,38	13.069,55	13.505,34	15.521,94
12	Lợi nhuận sau thuế để chi cổ tức	Tr.đồng	11.280,85	12.798,38	13.069,55	13.505,34	15.521,94
13	Cổ tức/Vốn điều lệ	%	4,03%	4,57%	4,67%	4,82%	5,54%

IV. Các biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 và những năm tiếp theo, công ty sẽ khôi phục, đầu tư mới và đẩy mạnh phát triển, mở rộng các lĩnh vực mà công ty được phép hoạt động, Công ty từng bước thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đổi mới phương thức quản lý điều hành, đổi mới công nghệ trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ để tăng năng suất lao động nâng cao chất lượng dịch vụ uy tín hiệu quả kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, xây dựng nguồn nhân lực tinh gọn, có năng lực, có kinh nghiệm.
- Đầu tư các thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhu cầu phát triển sản phẩm chủ lực.
- Linh động thực hiện các hình thức liên danh, hợp tác tham gia các gói thầu hỗn hợp: gói thầu cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC) để phát triển thêm thị trường.
- Hoàn thiện các bước để lên sàn chứng khoán Việt Nam nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho sự phát triển của công ty;
- Áp dụng các quy trình quản lý, công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại.

2. Về hoạt động đầu tư

- Thúc đẩy đầu tư thiết bị máy và xe theo công nghệ thi công mới-hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu các chủ đầu tư, nhà thầu, các công trình yêu cầu thi công phức tạp các dự án lớn.
- Xây dựng lộ trình quy hoạch đầu tư mới, cải tạo, sửa chữa, mở rộng hệ thống nhà xưởng, dây chuyền sản xuất để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, cụ thể:
 - Giai đoạn 2016-2018: Mở rộng và di dời khu nhà xưởng, kho bãi về Khu CN Hiệp Phước để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty; Hoàn thành công tác di dời 01 trạm sản xuất BTN; Đầu tư nhà xưởng gia công thép, biển báo; phân xưởng sản xuất thép nhúng kẽm.
 - Giai đoạn 2018-2020: nghiên cứu xây dựng phương hướng đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh các loại vật liệu chuyên ngành xây dựng như: sản xuất bê tông tươi, cống thoát nước, sản xuất cừ bản BT dự ứng lực, SX cấu kiện thoát nước, cọc BT đúc sẵn.
- Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

3. Về phương án sử dụng đất:

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn 02 thửa đất để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

Thửa đất số 01:

- Địa chỉ: số 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích mặt bằng: 1.581m².
- Phương án sử dụng: Xây dựng mới tòa nhà văn phòng làm trụ sở chính Công ty.

Thửa đất số 02:

- Địa chỉ: số 22 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích mặt bằng: 538,1m².
- Phương án sử dụng: Sử dụng làm văn phòng và kho cho các xí nghiệp.

4. Về nâng cao năng lực quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước, kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận. Xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ các xí nghiệp nhất là đối với xí nghiệp tham gia các lĩnh vực mới.
- Các phòng ban Công ty phải có sự phối hợp chặt chẽ để giải quyết những khó khăn vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trực thuộc. Lập kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo: CEO, CFO, CMO... nhằm đáp ứng những yêu cầu công việc mới đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu thi công các dự án.
- Tăng cường ổn định chính trị nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và duy trì hoạt động SXKD theo quy định pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Thực hiện xây dựng khu nhà ở xã hội cho cán bộ công nhân viên công ty.

- Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

V. Các rủi ro dự kiến

1. Rủi ro về kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Những năm vừa qua, trong bối cảnh chung về tình hình kinh tế thế giới trì trệ do hậu quả từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và cuộc khủng hoảng nợ công kéo dài ở các nước châu Âu, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức khi tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm, lạm phát tăng cao, thị trường tài chính và tiền tệ đều có những diễn biến không thuận lợi... thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Đến thời điểm hiện tại, sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực.

Khi nền kinh tế dần ổn định sẽ là tiền đề phát triển cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật doanh nghiệp, Luật xây dựng,...). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro khác

Khi thực hiện hoạt động đầu tư, mở rộng quy mô, Công ty sẽ có thể đối mặt với những rủi ro sau:

- Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sẽ giảm.
- Áp lực đảm bảo chi trả trả cổ tức tăng cao khi số lượng cổ phần tăng lên.
- Rủi ro trong quản trị doanh nghiệp và nguy cơ bị thâu tóm khi quy mô Công ty tăng lên.

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

**PHẦN V:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT**

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn được phê duyệt và có Quyết định của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thành công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	UBND TP.HCM phê duyệt phương án cổ phần hóa	T12/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T01/2016
3	Tổ chức bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV	T01/2016
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T01-T02/2016
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T02/2016
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh và bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	T03/2016
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần	T03/2016
8	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T03/2016
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T03/2016
10	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T04-T05/2016
11	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần	T04-T05/2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC THỌ